ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP LỚP HỌC ĐẢO NGƯỢC NHẰM NÂNG CAO KỸ NĂNG NGHE TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

NGUYỄN HOÀNG YẾN
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học,
Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội

Nhận bài ngày 19/02/2025. Sửa chữa xong 25/02/2025. Duyệt đăng 10/3/2025.

Abstract

Research on the flipped classroom approach in foreign language teaching remains limited, particularly concerning listening skills. To address this gap, the author conducted an empirical study to examine the impact of this approach on the listening proficiency of students at Hanoi University of Physical Education and Sports through language assessments. Experimental results demonstrated significant improvement in students' listening comprehension skills. Furthermore, the majority of students provided positive feedback, affirming the effectiveness of the flipped classroom method in teaching listening skills.

Keywords: *Application, approach, flipped classroom, listening skills, students, Hanoi University of Physical Education and Sports.*

1. Đặt vấn đề

Kỹ năng nghe là một trong bốn kỹ năng ngôn ngữ quan trọng, giúp người học tham gia hiệu quả vào quá trình giao tiếp và tiếp thu kiến thức [1, tr. 1-13]. Tuy nhiên, nhiều người học Tiếng Anh gặp khó khăn với ngữ liệu nghe học thuật do bản chất phức tạp của kỹ năng này và sự hạn chế trong giảng dạy [2, tr. 133-155]. Những trở ngại chính bao gồm khó khăn trong tiếp nhận ngôn ngữ mới, thiếu cơ hội thực hành, hạn chế về chiến lược nghe và ảnh hưởng tâm lý . Do đó, giáo viên (GV) cần áp dụng các phương pháp hỗ trợ phù hợp để nâng cao khả năng nghe hiểu của người học.

Trong bối cảnh hiện đại, công nghệ đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện giảng dạy ngoại ngữ. Các công cụ số giúp duy trì tương tác, cập nhật tài liệu hiệu quả và tạo ra môi trường học tập đa dạng. Công nghệ không chỉ hỗ trợ phát triển kỹ năng ngôn ngữ mà còn tăng khả năng xử lý thông tin của người học, tiến bộ công nghệ mở rộng khả năng tiếp cận ngôn ngữ, tạo động lực học tập và hỗ trợ quản lý lớp học, đặc biệt hiệu quả trong phương pháp lớp học đảo ngược (LHĐN).

2. Cơ sở lý luận

2.1. Lớp học đảo ngược

Đây là mô hình giảng dạy kết hợp, trong đó sinh viên (SV) tiếp thu kiến thức trực tuyến trước khi đến lớp, còn thời gian trên lớp được dành cho thảo luận và thực hành. Phương pháp này giúp giảm thời gian giảng dạy trực tiếp, tăng cơ hội tương tác và thực hành ngôn ngữ, chuyển trọng tâm từ người dạy sang người học. Ngoài việc thay đổi cách tổ chức nội dung, LHĐN còn liên quan đến ứng dụng máy tính trong học ngôn ngữ (CALL), thúc đẩy tính tự giác và khả năng tự chủ của người học [3, tr.42-55].

Lớp học đảo ngược hiệu quả bao gồm hai yếu tố chính: Hoạt động học tập trực tuyến trước buổi học và trải nghiệm học tập hợp tác trong lớp (Shih & Huang, 2019). Theo lý thuyết Khu vực phát triển gần (ZPD) của Vygotsky, người học tiến bộ thông qua sự hướng dẫn từ GV hoặc bạn học có trình độ

Email: nguyenhoangyen3105@gmail.com

cao hơn [4, tr. 1-12]. Quá trình này giúp nâng cao khả năng tự học và phát triển kỹ năng nghe. Sự khác biệt về trình độ cùng với cơ hội thực hành có hướng dẫn đóng vai trò quan trọng trong học tập, nhấn mạnh tác động tích cực của LHĐN đối với sự phát triển kỹ năng ngôn ngữ.

2.2. Lợi ích và hạn chế của phương pháp lớp học đảo ngược trong lĩnh vực giảng dạy ngôn ngữ

Phương pháp LHĐN đã được các nhà nghiên cứu phân tích về lợi ích và hạn chế trong giảng dạy ngôn ngữ. Lợi ích chính của phương pháp này là thúc đẩy tính tự giác và khả năng tự học nhờ vào việc tiếp cận tài liệu trực tuyến trước khi đến lớp [5, tr. 2-10]. Ngoài ra, phương pháp này khi kết hợp với thiết bị điện tử, có khả năng giúp cải thiện đáng kể khả năng đọc hiểu tiếng Anh của SV. So với lớp học truyền thống, LHĐN mang lại sự linh hoạt hơn trong việc cá nhân hóa lộ trình học tập.

Một lợi ích quan trọng khác là tăng cường sự tương tác giữa GV và SV cũng như giữa các SV với nhau, thông qua các hoạt động trên lớp có tính liên kết cao. Đồng thời, phương pháp này tạo môi trường học tập tích cực, khuyến khích tư duy phản biện và kỹ năng làm việc nhóm. Tuy nhiên, LHĐN cũng có một số hạn chế, bao gồm yêu cầu GV đầu tư thời gian và công sức để chuẩn bị tài liệu giảng dạy [6, tr. 62-84], cùng với những thách thức liên quan đến khả năng sử dụng công nghệ của SV và các vấn đề kỹ thuật phát sinh [7, tr. 1-10]. Dù đã được áp dụng rộng rãi trong giáo dục đại học nhưng phần lớn nghiên cứu trước đây tập trung vào giảng dạy Tiếng Anh nói chung mà chưa đi sâu vào từng kỹ năng ngôn ngữ cụ thể.

Trong bối cảnh giảng dạy Tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai, nghiên cứu của Lee và Wallace tại Hàn Quốc cho thấy SV có thái độ tích cực đối với phương pháp này, dù gặp khó khăn khi sử dụng nền tảng trực tuyến [8, tr. 62-84]. Ba lợi ích chính mà SV đánh giá cao bao gồm: phản hồi nhanh chóng từ GV, cơ hội tiếp cận tài liệu chuyên sâu và sự phát triển tư duy phản biện. Ngoài ra, phương pháp này còn nâng cao sự tương tác giữa SV, giúp cải thiện chất lượng học tập. Một số nghiên cứu thực nghiệm về phương pháp LHĐN trong bối cảnh giảng dạy Tiếng Anh như ngoại ngữ (EFL) đã chỉ ra những tác động tích cực đối với từng kỹ năng ngôn ngữ cụ thể. Ví dụ, phương pháp này giúp cải thiện đáng kể kỹ năng nói, bao gồm phát âm, sự lưu loát và độ chính xác của giáo viên tập sự [8, tr. 42-55]. Đối với SV chuyên ngành kinh doanh, LHĐN hỗ trợ mở rộng vốn từ và cải thiện phát âm [9, tr. 236-242]. Ngoài ra, phương pháp trên còn có tác động tích cực đến kỹ năng nghe và chiến lược siêu nhận thức trong học tập [7, tr. 1-30]. Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về phương pháp LHĐN trong giảng dạy EFL nhưng số lượng nghiên cứu thực nghiệm đánh giá tác động của phương pháp này đối với kỹ năng nghe vẫn còn hạn chế. Turan và Akdag-Cimen nhấn mạnh rằng phần lớn các nghiên cứu tập trung vào kỹ năng nói và viết, trong khi nghiên cứu về kỹ năng nghe còn ít [10, tr. 1-17]. Dựa trên cơ sở lý luận này, nghiên cứu hiện tại được thực hiện nhằm đánh giá tác động của LHĐN đối với kỹ năng nghe hiểu của SV Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội. Nghiên cứu không chỉ xem xét ảnh hưởng của phương pháp này đến năng lực nghe hiểu mà còn tìm hiểu quan điểm của SV, từ đó đóng góp vào thực tiễn giảng dạy Tiếng Anh hiệu quả hơn.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng phương pháp định lượng và định tính nhằm đánh giá tác động của LHĐN đối với kỹ năng nghe hiểu của SV và quan điểm của họ về phương pháp này. Về phương pháp định lượng, tác giả thực hiện bài kiểm tra trước và sau thực nghiệm trên 51 SV năm thứ nhất tại Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội đang theo học môn Tiếng Anh 2. Các bài kiểm tra được thiết kế theo định dạng TOEFL để đo lường sự thay đổi về năng lực nghe của SV.

Thực nghiệm kéo dài bốn tuần từ 6/4/2024 đến 2/6/2024, trong đó các lớp học Tiếng Anh áp dụng mô hình LHĐN với trọng tâm là kỹ năng nghe. Sau đó, SV hoàn thành bài khảo sát trực tuyến với các câu hỏi mở để thu thập ý kiến về phương pháp giảng dạy trên. Dữ liệu từ bài kiểm tra và khảo sát được phân tích nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng của LHĐN đến kỹ năng nghe và phản hồi của SV về tính hiệu quả của phương pháp.

3.1. Đối tượng tham gia nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên 51 SV ngành Giáo dục thể chất đang theo học môn Tiếng Anh 2,

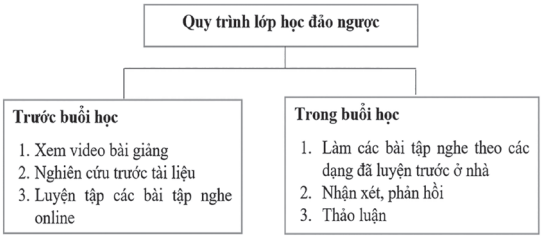
một học phần cơ bản gồm 3 tín chỉ, kéo dài 15 tuần. Trước đó, họ đã hoàn thành môn Tiếng Anh 1, giúp hình thành nền tảng ngôn ngữ và phương pháp học tập. Phần lớn SV có trình độ tiền trung cấp (pre-intermediate) nhưng cũng có một số SV có trình độ cao hoặc thấp hơn, được xác định qua bài kiểm tra trước thực nghiệm.

Kỹ năng nghe là một nội dung quan trọng trong chương trình Tiếng Anh 2 và được SV đánh giá là kỹ năng khó nhất. Phần lớn SV chưa tự tin về khả năng nghe của mình. Các bài nghe được thiết kế theo nhiều ngữ cảnh giao tiếp khác nhau, bao gồm cả các bài thi nghe theo định dạng TOEFL. Ngoài ra, GV cũng sử dụng các bài thi TOEFL trước đây trong các bài luyện tập bổ sung nhằm nâng cao kỹ năng nghe của SV.

3.2. Quy trình thực nghiệm

Quá trình chuẩn bị trước giờ học gồm ba giai đoạn: xem video bài giảng, nghiên cứu tài liệu do GV cung cấp và thực hành bài luyện nghe TOEFL trên nền tảng trực tuyến. Khi đã quen với phương pháp, SV chủ động tự học, giúp tiếp thu bài giảng hiệu quả hơn và củng cố kiến thức.

Trong mỗi buổi học, SV tự đánh giá mức độ tiếp thu và xác định kiến thức quan trọng còn thiếu. Hoạt động trên lớp tập trung vào luyện kỹ năng nghe, nhận xét cá nhân và thảo luận nhóm. GV khuyến khích SV kiểm tra kết quả bài tập nghe, thảo luận nhóm để nâng cao khả năng tự đánh giá và học hỏi lẫn nhau. Quy trình học tập được minh họa trong hình 1.



Hình 1: Các hoạt động trước và trong giờ học khi áp dụng LHĐN

Để đáp ứng được phần đầu của quá trình học, các tài liệu nghe được GV chọn lọc từ nhiều nguồn sách tham khảo của các nhà xuất bản đáng tin cậy như Oxford, Mc Millan và Longman sao cho cấp độ khó của bài nghe phù hợp với trình độ của SV. Các video bài giảng được GV sưu tầm trên Youtube và tài liệu được tải lên công cụ google classroom. Danh mục tài liệu được sử dụng cho từng tuần được tóm tắt ở bảng 1.

Tuần	Tài liệu dạy học	Hoạt động trước giờ học	Hoạt động trong giờ học
1	Các bài nghe dạng hội thoại ngắn thuộc các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống, bài nghe dạng TOEFL part 1. - Kỹ thuật nghe - Câu hỏi Wh- (Who, What, Where, When,…) - Rút ra kết luận về các thông tin Who, What, Where - Nghe thông tin về Who và What trong câu bị động - Nghe thông tin về Who và What với nhiều danh từ	- Xem video bài giảng - Luyện tập các bài nghe GV gửi trước. - Luyện tập Practice test	- Thực hành nghe - Thảo luận
2	Các bài nghe dạng hội thoại ngắn thuộc các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống, bài nghe dạng TOEFL part 1. - Nghe các cụm diễn đạt sự đồng ý - Nghe các cụm diễn đạt về sự không chắc chắn và gợi ý - Nghe các cụm diễn đạt nhấn mạnh sự ngạc nhiên - Nghe về câu ước và câu giả định - Nghe các cụm thành ngữ	- Xem tài liệu GV gửi trước. - Luyện tập các bài nghe GV gửi trước.	- Thực hành nghe - Nhận xét - Thảo luận
3&4	Các bài nghe dạng hội thoại và độc thoại mang tính học thuật. Trước khi nghe: - Đoán chủ đề bài nghe; - Dự đoán câu hỏi. Trong khi nghe: - Xác định chủ đề; - Đưa ra kết luận về các thông tin được hỏi trong bài; - Nghe và trả lời câu hỏi theo thứ tự	- SV đọc tài liệu làm các bài tập do GV gửi trước. - SV chủ động tìm hiểu và luyện tập các bài tập nghe trên websites.	- Thực hành và luyện các bài nghe giống dạng bài thi. - Nhận xét, phản hồi - Thảo luận

Bảng 1: Nội dung bài học được sử dụng cho từng tuần

Các số liệu định lượng của nghiên cứu này được xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS và Microsoft Excel. Khi thiết kế các bài kiểm tra trước và sau thực nghiệm, tác giả đã sử dụng các bài tập từ nguồn đáng tin cậy như Key English Test (KET) của Cambridge hay TOEFL Preparation của Longman. Đây là những bài kiểm tra trình độ tiếng Anh được sử dụng rộng rãi trên thế giới và đáng tin cậy về độ chính xác và tính giá trị. Còn các số liệu định tính là kết quả của các câu hỏi khảo sát mở được phân tích bằng phần mềm N-vivo 12 plus. Kết quả thu được được mã hóa sử dụng các mã chủ đề về tính tự giác, động lực, sự có ích, sự tham gia và sự hài lòng [11, tr. 1-27]

4. Kết quả nghiên cứu

Sau bốn tuần thực nghiệm, hầu hết SV có kết quả kiểm tra cao hơn so với trước thực nghiệm. Điều này có nghĩa là SV đã có sự tiến bộ về kỹ năng nghe, đặc biệt là nghe các dạng bài giống với các bài thi KET hay TOEFL vì họ đã được luyện tập nhiều trong các hoạt động trước giờ học. Mặc dù thời gian trên lớp hạn chế nhưng SV đã có nhiều thời gian học ngoài giờ học.

Lớp học đảo ngược	N	Giới tính		Pre-test	Post-test
		Nam	Nữ		
	51	35	16	64.06 (mean)	72.27 (mean)

Bảng 2: Kết quả bài kiểm tra trước và sau thực nghiệm

Bảng 2 cho thấy số lượng SV tham gia thực nghiệm phương pháp LHĐN gồm 51 SV, trong đó có 16 nữ và 35 nam. Giá trị trung bình (Mean) của bài kiểm tra trước thực nghiệm là 64.06 và sau thực nghiệm là 72.27. Điều này thể hiện sự tiến bộ về kỹ năng nghe của SV sau thực nghiệm. Qua kết quả này có thể kết luận phương pháp LHĐN có ảnh hưởng đến khả năng nghe của SV và là một cách hiệu quả giúp SV nâng cao sự hiểu biết về các chiến thuật và kỹ thuật để làm các bài thi kỹ năng Nghe theo format quốc tế như KET hay TOEFL và SV cũng biết cách học để tiến bộ về khả năng nghe hiểu.

Nhận định của sinh viên về phương pháp lớp học đảo ngược: Để trả lời câu hỏi nghiên cứu thứ hai về nhận định của SV về phương pháp LHĐN, kết quả khảo sát chỉ ra về cơ bản các SV đều cảm nhận được những lợi ích mà phương pháp này mang lại đối với kỹ năng nghe của họ. Hơn nữa, SV cũng cho biết họ trở nên có động lực hơn và cảm thấy thuận tiện hơn trong việc học của chính mình (học tự giác). Một vài SV cũng cho biết ý kiến về việc sử dụng các ứng dụng và truy cập Internet.

Mã quan điểm	Chỉ báo	Tần suất
Tính tự giác (Autonomous)	Tôi áp dụng phương pháp này vào bất cứ lúc nào mình muốn	14
	Tôi áp dụng phương pháp này ngoài lớp học	5
	Tôi áp dụng phương pháp này ở mọi lúc, mọi nơi	23
	Học tự chủ	18
	Linh hoạt	8
	Tự chủ về thời gian và địa điểm học	4
Động lực (Motivation)	Phương pháp này giúp tôi học nhiều hơn	3
	Muốn xem lại tài liệu học	1
	Tôi có thể hiểu bài hơn	11
Ích lợi	Hiểu bài tốt hơn	15
	Luyện tập nhiều hơn	13
	Tôi biết nhiều hơn về các chiến thuật	2
Sự hài lòng	Thoải mái	11
	Hiệu quả	32
Nhược điểm	Lỗi	14
	Thiếu kết nối Internet	20

Bảng 3: Quan điểm của SV về việc trải nghiệm LHĐN

Bảng 3 thể hiện kết quả của khảo sát câu hỏi mở đã được mã hóa thành 5 nhóm: Tính tự chủ, động lực, ích lợi, sự hài lòng và nhược điểm; sử dụng phần mềm N-vivo để phân tích.

Tính tự chủ: Trong suốt quá trình thực nghiệm phương pháp LHĐN, SV được yêu cầu tự nghiên cứu tài liệu trước ở nhà và tự chịu trách nhiệm về việc học của mình. GV thường xuyên nhắc nhở SV về việc tự học và có một số biện pháp giúp khuyến khích SV tự học. SV hoàn toàn chủ động về việc học, tốc độ học, khối lượng kiến thức tự học, thời gian và địa điểm học.

Động lực: Trong quá trình học SV được cung cấp đa dạng các loại tài liệu và nền tảng học như video, tài liệu từ websites và các câu hỏi online. Những tài liệu này tạo cho SV động lực và cơ hội học nhiều hơn trước khi đến lớp. Một vài SV bày tỏ rằng họ đã được tiếp động lực để xem lại các tài liệu và xem video trước khi đến lớp.

Ích lợi: Đa số SV cho rằng LHĐN rất hữu ích khi giúp họ học và hiểu những tài liệu được cho trước. Hơn nữa, các tài liệu này cũng được sắp xếp và cấu trúc theo lộ trình, nội dung bài học, giúp SV hoàn thành các bài tập.

Sự hài lòng: Khi được khảo sát về sự hài lòng với phương pháp LHĐN, hầu hết SV nhận xét là họ cảm thấy thoải mái và thích các hoạt động trước và trong giờ học.

Nhược điểm: Nhược điểm lớn nhất của phương pháp LHĐN mà hầu hết SV đều phàn nàn là các vấn đề kỹ thuật khi sử dụng google classroom. Một vài SV cho rằng phương pháp này yêu cầu cao về kết nối Internet nên đôi khi SV gặp trở ngại về vấn đề này.

5. Kết luận

Nghiên cứu kết luận việc áp dụng mô hình LHĐN trong giảng dạy kỹ năng nghe tiếng Anh có tác động tích cực đến khả năng nghe hiểu của SV, đặc biệt là trong việc làm quen với các dạng bài tập nghe thường xuất hiện trong các kỳ thi như TOEFL và KET. SV tham gia nghiên cứu thể hiện thái độ tích cực đối với phương pháp này, bao gồm sự chủ động trong học tập, động lực nâng cao kiến thức và mức độ hài lòng cao đối với các tài liệu học tập được cá nhân hóa và thiết kế hiệu quả. Tuy nhiên, một số vấn đề kỹ thuật là không thể tránh khỏi khi triển khai LHĐN. Ngoài ra, nghiên cứu còn tồn tại một số hạn chế, bao gồm quy mô mẫu nhỏ và không có nhóm đối chứng để so sánh kết quả. Bên cạnh đó, nghiên cứu chưa xem xét các yếu tố có thể ảnh hưởng đến quá trình học tập, chẳng hạn như động lực học tập và chiến lược học tập của SV. Đây là những khía cạnh cần được nghiên cứu sâu hơn trong các công trình tiếp theo. Để có cái nhìn toàn diện hơn về hiệu quả của mô hình LHĐN trong giảng dạy ngoại ngữ, các nghiên cứu trong tương lai nên xem xét áp dụng phương pháp này trong các nhóm người học khác nhau, ở các bối cảnh giáo dục đa dạng và trên nhiều kỹ năng ngôn ngữ khác nhau.

Tài liệu tham khảo

[1] Emerick, M. R. (2018), *Explicit teaching and authenticity in L2 listening instruction: University language teachers' beliefs (Giảng dạy rõ ràng và tính xác thực trong hướng dẫn nghe ngôn ngữ thứ hai: Quan điểm của giáo viên ngôn ngữ đại học)*. System (Tạp chí Hệ thống), 80, pp. 1-13. https://doi.org/10.1016/j.system.2018.11.004.

[2] Hamouda, A. (2013), *An investigation of listening comprehension problems encountered by Saudi students in the EFL listening classroom (Nghiên cứu về các vấn đề hiểu nghe gặp phải bởi sinh viên Ả Rập Xê Út trong lớp học nghe tiếng Anh như một ngoại ngữ)*. International Journal of Academic Research in Progressive Education and Development (Tạp chí Nghiên cứu Học thuật trong Giáo dục Tiến bộ và Phát triển), 2(2), 113-155.

[3] Köroğlu, Z. Ç., & Çakır, A. (2017), *Implementation of flipped instruction in language classrooms: an alternative way to develop speaking skills of pre-service English language teachers (Triển khai giảng dạy đảo ngược trong lớp học ngôn ngữ: một cách thay thế để phát triển kỹ năng nói của giáo viên Tiếng Anh tương lai)*. International Journal of Education and Development (Tạp chí Quốc tế về Giáo dục và Phát triển), 13(2), 42-55.

[4] Lo, C. K., & Hew, K. F. (2017), *A critical review of flipped classroom challenges in K-12 education: possible solutions and recommendations for future research (Đánh giá quan trọng về những thách thức của lớp học đảo ngược trong giáo dục K-12: các giải pháp khả thi và khuyến nghị cho nghiên cứu trong tương lai)*. Research and Practice in Technology Enhanced Learning (Nghiên cứu và Thực hành trong Học tập Tăng cường Công nghệ), 12(1), 1-12. https://doi.org/10.1186/s41039-016-0044-2.

[5] Tsai, Y. R. (2019), *Promotion of learner autonomy within the framework of a flipped EFL instructional model: Perception and perspectives (Thúc đẩy tính tự chủ của người học trong khuôn khổ mô hình giảng dạy đảo ngược EFL: Nhận thức và quan điểm)*. Computer Assisted Language Learning (Học ngôn ngữ với sự hỗ trợ của máy tính), 2-10. https://doi.org/10.1080/09588221.2019.1650779.

[6] Lee, G., & Wallace, A. (2018), *Flipped learning in the English as a foreign language classroom: outcomes and perceptions (Học tập đảo ngược trong lớp học Tiếng Anh như một ngoại ngữ: kết quả và nhận thức)*. TESOL Quarterly (Tạp chí TESOL Hàng quý), 52(1), 62-84. https://doi.org/10.1002/tesq.372.

[7] Shih, H. chia J., & Huang, S. hui C. (2019), *College students' metacognitive strategy use in an EFL flipped classroom (Việc sử dụng chiến lược siêu nhận thức của sinh viên đại học trong lớp học đảo ngược EFL)*. Computer Assisted Language Learning (Học Ngôn ngữ với sự Hỗ trợ của Máy tính), 27(1), 1-10. https://doi.org/10.1080/09588221.2019.1590420.

[8] Lee, G., & Wallace, A. (2018), *Flipped learning in the English as a foreign language classroom: outcomes and perceptions (Học tập đảo ngược trong lớp học Tiếng Anh như một ngoại ngữ: kết quả và nhận thức)*. TESOL Quarterly (Tạp chí TESOL Hàng quý), 52(1), 62–84. https://doi.org/10.1002/tesq.372

[9] Alnuhayt, S. S. (2018), *Investigating the use of the flipped classroom method in an EFL vocabulary course (Nghiên cứu việc sử dụng phương pháp lớp học đảo ngược trong khóa học từ vựng Tiếng Anh như một ngoại ngữ)*. Journal of Language Teaching and Research (Tạp chí Nghiên cứu và Giảng dạy Ngôn ngữ), 9(2), 236-242. https://doi.org/10.17507/jltr.0902.03.

[10] Turan, Z., & Akdag-Cimen, B. (2019), *Flipped classroom in English language teaching: a systematic review (Lớp học đảo ngược trong giảng dạy Tiếng Anh: Một đánh giá có hệ thống.)* Computer Assisted Language Learning (Học ngôn ngữ với sự hỗ trợ của máy tính), 1-17. https://doi.org/10.1080/09588221.2019.1584117.

[11] Wang, N., Chen, J., Tai, M., & Zhang, J. (2019), *Blended learning for Chinese university EFL learners: learning environment and learner perceptions (Học tập kết hợp dành cho người học Tiếng Anh như một ngoại ngữ tại các trường đại học Trung Quốc: Môi trường học tập và nhận thức của người học)*. Computer Assisted Language Learning (Học ngôn ngữ với sự hỗ trợ của máy tính), 1-27. https://doi.org/10.1080/09588221.2019.1607881.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÍ LUẬN VỀ QUẢN LÍ...

Tiếp theo trang 109

3. Kết luận

Trong bối cảnh hội nhập và phát triển kinh tế mô hình trường CĐCĐ đóng vai trò quan trọng trong đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu địa phương. Kết quả nghiên cứu cho thấy quản lí đào tạo tại trường CĐCĐ cần đảm bảo tính liên kết chặt chẽ giữa Nhà nước - Nhà trường - Cộng đồng, hướng đến đào tạo theo mô hình học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động địa phương cả về số lượng lẫn chất lượng. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả quản lí đào tạo cần có sự phối hợp đồng bộ giữa các bên liên quan, từ việc xác định nhu cầu đào tạo, xây dựng chương trình phù hợp, triển khai phương pháp dạy học hiện đại đến đảm bảo đầu ra cho người học. Đồng thời, việc ứng dụng các chiến lược học tập dựa vào cộng đồng sẽ giúp tối ưu hóa nguồn lực địa phương, gia tăng tính thực tiễn của chương trình đào tạo. Kết quả nghiên cứu không chỉ có ý nghĩa lí luận mà còn góp phần quan trọng trong thực tiễn, giúp định hướng cải thiện mô hình CĐCĐ tại Việt Nam. Qua đó, nâng cao chất lượng đào tạo, tăng cường kết nối với doanh nghiệp và cộng đồng, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Tài liệu tham khảo

[1] Quốc hội (2014), *Luật Giáo dục nghề nghiệp,* Luật số 74/2014/QH13, ngày 27/11/2014, có hiệu lực từ ngày 01/7/2015.

[2] Phạm Hữu Ngãi (2009), *Phát triển trường cao đẳng cộng đồng đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực vùng Đồng bằng sông Cửu Long,* Luận án Tiến sĩ Quản lí giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

[3] Nguyễn Khắc Tuệ (2018), *Quản lí đào tạo ở các trường cao đẳng cộng đồng khu vực Đồng bằng Bắc bộ theo tiếp cận đảm bảo chất lượng,* Luận án Tiến sĩ Quản lí giáo dục, Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng.

[4] Cồ Huy Lệ (2021), *Phát triển nguồn nhân lực trình độ cao của tỉnh Nam Định trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa,* Luận án Tiến sĩ Quản lí kinh tế, Trường Đại học Thương mại.

[5] Nguyễn Hữu Dũng (2001), *Phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập,* NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[6] Lê Minh Hiền (2021), *Quản lí đào tạo của trường đại học địa phương đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực các khu công nghiệp Bắc Trung Bộ*, Luận án Tiến sĩ Quản lí giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

[7] Melaville, A., Berg, A. C., & Blank, M. J. (2006). *Community-based learning: Engaging students for success and citizenship (Học tập dựa vào cộng đồng: Gắn kết sinh viên để thành công và trở thành công dân có trách nhiệm)*. Coalition for Community Schools (Liên minh vì các Trường học Cộng đồng).

[8] Phạm Hoàng Minh (2022), *Quản lí đào tạo trình độ sơ cấp đáp ứng nhu cầu của lao động nông thôn tỉnh Kiên Giang,* Luận án Tiến sĩ Quản lí giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.